

Số: 846 /BVUBĐN-KD

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 11 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để có căn cứ xác định giá mua vào của thuốc, vật tư y tế dự kiến mua sắm cho Nhà thuốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị có yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, địa chỉ: Đường Hoàng Thị Loan, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bà Mai Thị Thu Thảo, khoa Dược, Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng; SĐT: 0236.3717.409 (0903.575.850), email: thuthaomai79@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng, vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6.

- Nhận file mềm excel và bản scan qua địa chỉ email: thuthaomai79@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 26 tháng 11 năm 2025 đến trước 09h ngày 08 tháng 12 năm 2025.

5. Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 08/12/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp quan tâm lập báo giá đầy đủ thông tin theo Mẫu báo giá tại Phụ lục 1.1 (đối với thuốc) và Phụ lục 1.2 (đối với vật tư y tế) đính kèm Yêu cầu báo giá này.

2. Danh mục hàng hóa cụ thể tại Phụ lục 2.1 (đối với thuốc) và Phụ lục 2.2 (đối với vật tư y tế) đính kèm Yêu cầu báo giá này.

- Địa điểm cung cấp: Nhà thuốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian cung ứng dự kiến: 12 tháng kể từ Quý I năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 1.1 hoặc Phụ lục 1.2 đính kèm Yêu cầu báo giá này.

b. Hồ sơ pháp lý của công ty:

- Đối với thuốc: Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược với phạm vi kinh doanh phù hợp, Giấy chứng nhận GDP (Thực hành phân phối thuốc) còn hiệu lực (Bản chụp công chứng).

- Đối với VTYT: Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy đủ điều kiện mua bán TTBYT.

c. Hồ sơ kỹ thuật của hàng hóa chào giá: Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, tài liệu chứng minh đáp ứng nhóm tiêu chí kỹ thuật đối với thuốc; tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan khác đối với vật tư y tế (Bản phân loại TTBYT, số lưu hành TTBYT,...).

d. Quyết định trúng thầu kèm Danh mục chi tiết hàng hoá chào giá: Phải thông qua Đấu thầu rộng rãi và phải còn hiệu lực trong vòng 12 tháng (từ tháng 12/2024 đến nay).

6. Đơn vị báo giá chịu trách nhiệm về tính pháp lý của bảng chào giá.

7. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá.

Lưu ý: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.



Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC 1.1: MẪU BÁO GIÁ THUỐC

CÔNG TY

Địa chỉ:

SĐT:

Email:

Mã số thuế:



BẢNG BÁO GIÁ

KÍNH GỬI: BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số 846/BVUBĐN-KD ngày 25/11/2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty....., có địa chỉ tại:, báo giá cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng các mặt hàng như sau:

1. Báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất /thành phần	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến	Nhà cung cấp được đề xuất	Thông tin thu thập báo giá	Thông tin dài giá trúng thầu trong vòng 12 tháng (nếu có)	Thông tin giá mua của cơ sở y tế khác cùng qui mô (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
TỔNG CỘNG: KHOẢN																-	-

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2025.
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của đơn vị, nhà cung cấp
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên đầy đủ)

PHỤ LỤC 1.2: MẪU BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

CÔNG TY

Địa chỉ:

SĐT:

Email:

Mã số thuế:



BẢNG BÁO GIÁ

KÍNH GỬI: BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số 846/BVUBĐN-KD ngày 25/11/2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty....., có địa chỉ tại:, báo giá cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng các mặt hàng như sau:

1. Báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Ký mã hiệu hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến	Nhà cung cấp được đề xuất	Thông tin thu thập báo giá	Thông tin dài giá trúng thầu trong vòng 12 tháng (nếu có)	Thông tin giá mua của cơ sở y tế khác cùng qui mô (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
2														
3														
4														
5														
TỔNG CỘNG: KHOẢN													-	-

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của đơn vị, nhà cung cấp
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên đầy đủ)

PHỤ LỤC 2.1
DANH MỤC THUỐC MUA SẴM CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỞU ĐÀ NẴNG NĂM 2026
(Kèm theo Yêu cầu chào giá số 846/BVUBĐN-KD ngày 25/11/2025)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I. Danh mục thuốc Biệt dược gốc										
1	Voltaren	Natri diclofenac	75mg	Uống	Viên nén phòng thích chậm	BDG	Novartis Farma S.p.A	Ý	Viên	650
2	Mobic	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	BDG	Boehringer Ingelheim Ellas A.E	Hy Lạp	Viên	3.393
3	Neurontin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	BDG	Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, Đóng gói và xuất xưởng: Đức	Viên	5.078
4	Augmentin 1g	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	Viên	13.195
5	Augmentin 625mg tablets	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	SmithKline Beecham Limited	Anh	Viên	3.749
6	Arimidex	Anastrozole	1mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Cơ sở sản xuất: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Limited	Nước sản xuất: Mỹ; Nước đóng gói: Anh	Viên	2.058
7	Nolvadex-D	Tamoxifen (dưới dạng tamoxifen citrat)	20mg	Viên nén bao phim	Viên nén bao phim	BDG	AstraZeneca UK Limited	Anh	Viên	60.045
8	Xarelto	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Bayer AG	Đức	Viên	1.800
9	Xarelto	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Bayer AG	Đức	Viên	720
10	Xarelto	Rivaroxaban	20 mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Bayer AG	Đức	Viên	1.800
11	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	BDG	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	22.377
12	No-Spa forte	Drotaverin hydroclorid	80mg	Uống	Viên nén	BDG	Chinoim Pharmaceutical And Chemical Works Private Co. Ltd.	Hungary	Viên	1.383
13	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên nén bao đường	BDG	Delpharm Reims	Pháp	Viên	1.693
14	Medrol	Methylprednisolon	16mg	Uống	Viên nén	BDG	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	23.564
15	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	BDG	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	6.557
16	Levothyrox	Levothyroxine natri	100mcg	Uống	Viên nén	BDG	Merck Healthcare KGaA	Đức	Viên	400.000
17	Levothyrox	Levothyroxine natri	25mcg	Uống	Viên nén	BDG	Merck Healthcare KGaA	Đức	Viên	303.000
18	Spexib 150mg	Ceritinib	150mg	Uống	Viên nang cứng	BDG	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Viên	4.050

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
19	Xtandi 40mg	Enzalutamide	40mg	Uống	Viên nang mềm	BDG	CSSX: Catalent Pharma Solutions, LLC; CSĐG sơ cấp: AndersonBrecon Inc.; CSĐG thứ cấp và xuất xưởng: Astellas Pharma Europe B.V.	CSSX: Mỹ; CSĐG sơ cấp: Mỹ; CSĐG thứ cấp: Hà Lan	Viên	9.072
20	Primovist	Gadoxetate disodium	0,25mmol/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	BDG	Bayer AG	Đức	Bơm tiêm	10
21	Lynparza	Olaparib	150mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Cơ sở sản xuất: AbbVie Limited; Cơ sở đóng gói và chịu trách nhiệm xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Limited	Nước sản xuất: Mỹ; Nước đóng gói và chịu trách nhiệm xuất xưởng lô: Anh	Viên	4.032
22	Tagrisso	Osimertinib (trương ứng 95,4 mg Osimertinib mesylat)	80 mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	16.000
23	Ibrance 75mg	Palbociclib	75mg	Uống	Viên nang cứng	BDG	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Viên	341
24	Ibrance 100mg	Palbociclib	100mg	Uống	Viên nang cứng	BDG	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Viên	1.476
25	Ibrance 125mg	Palbociclib	125mg	Uống	Viên nang cứng	BDG	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Viên	2.232
26	Perjeta	Pertuzumab	420mg/14ml	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	BDG	Roche Diagnostics GmbH; CSĐG thứ cấp: F.Hoffmann-La Roche Ltd.	CSSX: Đức; CSĐG thứ cấp: Thụy Sĩ	Lọ	234
27	Stivarga	Regorafenib	40mg	Uống	Viên nén bao phim	BDG	Bayer AG	Đức	Viên	8.008
II. Danh mục thuốc Generic										
1	Etcoxib 60 mg	Etoricoxib	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A.	Portugal	Viên	2.898
2	Antarene codeine 200mg/30mg	Ibuprofen + Codein	200mg+ 30mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	SOPHARTEX	Pháp	Viên	5.500
3	Panadol Viên Sủi	Paracetamol	500mg	Uống	Viên sủi	Nhóm 1	GlaxoSmithKline Dungarvan Limited	Ireland	Viên	6.963
4	PARTAMOL TAB.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	11.952
5	Ultracet	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5mg + 325mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Janssen Cilag S.P.A.	Ý	Viên	1.000
6	Paratramol	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5 mg + 325 mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	Viên	39.954
7	Bluecezine	Cetirizin dihydrochlorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A. (Fab. Coimbra) - Bồ Đào Nha	Bồ Đào Nha	Viên	10.000
8	Tadaritin	Desloratadin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Neuraxpharm Pharmaceuticals, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	10.656
9	Pregabakern 100mg	Pregabalin	100 mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Kern Pharma S.L.	Spain	Viên	738
10	Amoxicillin 500mg capsules	Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat)	500mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Athlone Laboratories Limited	Ireland	Viên	53.370

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
11	CURAM 1000MG TAB 10x8'S	Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat 149mg) 125mg	875mg + 125mg	Uống	Viên	Nhóm 1	Sandoz GmbH	Áo	Viên	4.400
12	CURAM 625MG TAB	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 125mg	500mg + 125mg	Uống	Viên	Nhóm 1	Sandoz GmbH	Áo	Viên	6.848
13	Cefanew	Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrat)	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	Viên	2.088
14	Zinnat Tab 500mg 10's	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên	Nhóm 1	Glaxo Operations UK	Anh	Viên	4.369
15	Medaxetine 500 mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxime Axetil)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Medochemie Ltd - Factory C	Cyprus	Viên	2.950
16	Neo-Tergynan	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Nhóm 1	Sophartex	Pháp	Viên	1.200
17	Crutit	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	Viên	36.810
18	Bloci	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid) 500mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Bluepharma- Indústria Farmacêutica, S.A.-Bồ Đào Nha	BỒ ĐÀO NHA	Viên	9.881
19	Klevox 500mg	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat) 500mg	500mg	Uống	Viên	Nhóm 1	Laboratorios Cinfa, S.A. (Cơ sở đóng gói sơ cấp và thứ cấp: Laboratorios Cinfa, S.A.)	Spain	Viên	4.796
20	Basicillin 100mg	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Viên	1.200
21	TS-One Capsule 20	Tegafur + Gimeracil + Oteracil kali	20mg + 5,8mg + 19,6mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Taiho Pharmaceutical Co., Ltd. Tokushima Plant	Nhật	Viên	1.260
22	TS-One Capsule 25	Tegafur + Gimeracil + Oteracil kali	25mg + 7,25mg + 24,5mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Taiho Pharmaceutical Co., Ltd. Tokushima Plant	Nhật	Viên	1.674
23	Xatral XL 10mg	Alfuzosin HCl	10mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Nhóm 1	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	3.210
24	Ferlatum	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	40mg (800mg)	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 1	Italfarmaco S.A.	Tây Ban Nha	Lọ	10.026
25	Transamin Tablets	Tranexamic acid	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Olic (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Viên	4.755
26	Betadine Gargle and Mouthwash	Povidone Iodine	1% (w/v)	Súc họng và miệng	Dung dịch súc họng và súc miệng	Nhóm 1	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	Chai	30
27	Scolanzo	Lansoprazol	15mg	Uống	Viên nang bao tan trong ruột	Nhóm 1	Laboratorios Licons, S.A	Spain	Viên	11.691
28	Scolanzo	Lansoprazol	30mg	Uống	Viên nang bao tan trong ruột	Nhóm 1	Laboratorios Licons, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	23.382
29	Emanera 40mg gastro-resistant capsules	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nang kháng acid dạ dày	Nhóm 1	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	53.934

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
30	Nolpaza 20mg	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrate) 20 mg	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Nhóm 1	KRKA, D.D., . Novo Mesto	Slovenia	Viên	19.352
31	Fortrans	Macrogol 4000 + Anhydrous sodium sulfate + Sodium bicarbonate + Sodium chloride + Potassium chloride	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Bột pha dung dịch uống	Nhóm 1	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói	5.863
32	Fleet Enema	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	(19g + 7g)/133ml	Thụt hậu môn - trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Nhóm 1	C.B Fleet Company Inc.	Hoa Kỳ	Chai	1.057
33	ENTEROGERMIN A	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/ 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 1	Opella Healthcare Italy S.R.L.	Ý	Ống	8.738
34	Smecta	Diosmectite	3g	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Nhóm 1	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói	1.026
35	Imodium	Loperamide hydrochloride	2mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Lusomedicamenta Sociedade Técnica Farmacêutica, S.A	Portugal	Viên	3.244
36	Itomed	Itoprid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Pro.Med.CS Praha a.s	Czech Republic	Viên	10.944
37	Livosil 140mg	Silymarin	140mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	UAB Aconitum	Lietuva	Viên	190.390
38	CARSIL 90MG	Silymarin	90mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Sopharma AD	Bulgary	Viên	57.924
39	Silygamma	Silymarin	150mg	Uống	Viên bao đường	Nhóm 1	Dragenopharm Apotheke Puschl GmbH	Đức	Viên	9.828
40	Pms-Ursodiol C 500 mg	Ursodeoxycholic acid	500mg	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Pharmascience Inc.	Canada	Viên	1.764
41	Progestogel 1%	Progesterone	1%	Bôi ngoài da	Gel bôi ngoài da	Nhóm 1	Besins Manufacturing Belgium	Bỉ	Tuýp	300
42	Berlthyrox 100	Levothyroxine sodium	100mcg	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Berlin Chemie AG	Đức	Viên	900.000
43	Thyrozol 10mg	Thiamazole	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Merck Healthcare KGaA	Đức	Viên	165.078
44	Thyrozol 5mg (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Merck KGaA & Co. Werk Spittal; địa chỉ: Hösslgasse 20 9800 Spittal/Drau-Austria)	Thiamazole	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSĐG và xuất xưởng: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức; CSĐG và xuất xưởng: Áo	Viên	262.176
45	Zopinox 7,5	Zopiclone	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Joint Stock Company "Grindeks", Latvia	Latvia	Viên	5.000
46	Dogmakern 50mg	Sulpirid	50mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Kern Pharma S.L	Spain	Viên	23.508
47	Tanganil 500mg	Acetyllecine	500mg	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Pierre Fabre Medicament Production	Pháp	Viên	5.652
48	Bilomag	Cao khô lá bạch quả đã chuẩn hóa [Ginkgonis extractum siccum raffinatum et quantificatum] (39,6 - 49,5:1)	80mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o	Poland	Viên	11.052
49	Drenoxol	Ambroxol hydroclorid	30mg/10ml	Uống	Siro uống	Nhóm 1	Faes Farma Portugal, S.A.	Bồ Đào Nha	Ống	600
50	ACC 200	Mỗi gói 3g chứa: Acetylcystein 200mg	200mg	Uống	Bột pha dung dịch uống	Nhóm 1	Sản xuất: Lindopharm GmbH; Xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH	Đức	Gói	5.130

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
51	ABRICOTIS	Calcium carbonate; Vitamin D3	1500mg; 500UI	Uống	Viên	Nhóm 1	Probiotec Pharma Pty. Ltd	Úc	Viên	48.132
52	D-Cure 25.000 IU	Cholecalciferol (tương đương 25.000IU Vitamin D3) 0,625mg	0,625mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 1	SMB Technology S.A	Bỉ	Ống	100
53	Rybrevant	Amivantamab	350mg/7ml	Truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền	Nhóm 1	Cilag AG (Địa chỉ Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen, Thụy Sĩ)	Thụy Sĩ	Lọ	46
54	Potenciator 5g	Arginine aspartat	5g/10ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 1	Faes Farma, S.A.	Spain	Ống	3.000
55	Tecentriq	Atezolizumab	1200mg/20ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Nhóm 1	CSSX: Roche Diagnostics GmbH; CS đóng gói và xuất xưởng: F.Hoffmann-La Roche Ltd.	CSSX: Đức; đóng gói: Thụy Sĩ	Lọ	72
56	Bavencio	Avelumab	200mg/10ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Nhóm 1	Merck Serono S.A.	Thụy Sĩ	Lọ	48
57	PM NEXTG CAL	Calci + Phospho + Vitamin D3 + Vitamin K1	120mg +55mg + 2mcg+ 8mcg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Probiotec Pharma Pty., Ltd.	Australia	Viên	348.732
58	CalSource 600mg + 400 IU Vitamin D3	Calci lactat gluconat (tương đương với 179,6mg calci nguyên tố) + Calci carbonat (tương đương 420,4mg calci nguyên tố) + Cholecalciferol dạng bột cô đặc (tương đương 400IU vitamin D3)	1358mg + 1050mg + 4mg	Uống	Viên nén sủi	Nhóm 1	Delpharm Orleans	Pháp	Viên	500
59	NATROFEN	Cefprozil	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Remedina S.A	Hy Lạp	Viên	14.454
60	IMMUBRON	Chất ly giải vi khuẩn đông khô: Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes, Streptococcus viridans, Klebsiella pneumoniae, Klebsiella ozaenae, Haemophilus influenzae, Neisseria catarrhalis, Diplococcus pneumoniae	Chất ly giải vi khuẩn đông khô 50mg, trong đó 7mg tương ứng: Staphylococcus aureus 6 tỷ, Streptococcus pyogenes 6 tỷ, Streptococcus viridans 6 tỷ, Klebsiella pneumoniae 6 tỷ, Klebsiella ozaenae 6 tỷ, Haemophilus influenzae nhóm B 6 tỷ, Neisseria catarrhalis 6 tỷ, Diplococcus pneumoniae 6 tỷ (TY1/EQ11 1 tỷ, TY2/EQ22 1 tỷ, TY3/EQ14 1 tỷ, TY5/EQ15 1 tỷ, TY8/EQ23 1 tỷ, TY47/EQ24 1 tỷ) 6 tỷ và 43mg môi trường đông khô	Ngâm dưới lưỡi	Viên nén	Nhóm 1	Bruschettini s.r.l	Italy	Viên	6.938
61	DASBRAIN	Dầu cá ngừ tự nhiên (chứa: Eicosapentaenoic acid 60 mg; Docosahexaenoic acid 260 mg; Omega - 3 marine triglycerides 320mg)	1g (60mg+260mg+320mg)	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 1	Catalent Australia Pty.Ltd.	Australia	Viên	5.000
62	XGEVA	Denosumab	120mg/1,7ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Nhóm 1	Amgen Manufacturing Limited	Mỹ	Lọ	54

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
63	Imfinzi	Durvalumab	500mg/10ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch để pha tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Catalent Indiana, LLC; Cơ sở đóng gói cấp 2: AstraZeneca AB; Cơ sở kiểm tra chất lượng và xuất xưởng lô sản phẩm: AstraZeneca AB	Thụy Điển	Lọ	360
64	Halaven	Eribulin mesylate	1mg (tương đương Eribulin 0,88mg/2ml)/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Nhóm 1	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ý	Lọ	468
65	Clinoleic 20%	Hỗn hợp dầu oliu tinh khiết (khoảng 80%) và dầu đậu nành tinh khiết (khoảng 20%)	20g/100ml	Tiêm truyền	Nhũ dịch lipid truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Baxter S.A	Bỉ	Túi	180
66	Lenvima 4mg	Lenvatinib (dưới dạng Lenvatinib Mesilate)	4mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Patheon Inc.	Canada	Viên	10.000
67	Lenvima 10mg	Lenvatinib (dưới dạng Lenvatinib Mesilate)	10mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Patheon Inc.	Canada	Viên	2.000
68	KEYTRUDA	Pembrolizumab 100mg/4ml	100 mg/4 ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Nhóm 1	CSSX: MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow); CS dán nhãn & ĐG cấp 2: Organon Heist B.V.	CSSX: Ireland, đóng gói: Bỉ	Lọ	450
69	Phesgo	Pertuzumab và Trastuzumab	600mg/600mg/15ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Nhóm 1	F. Hoffmann-La Roche Ltd	Thụy Sĩ	Lọ	54
70	Cernevit (Xuất xưởng: Baxter S.A., Bd. René Branquart 80, B-7860 Lessines, Belgium)	Retinol palmitate tương đương Retinol + Cholecalciferol + DL alpha-tocopherol tương đương alpha-tocopherol + Acid Ascorbic + Cocarboxylase tetrahydrate tương đương Thiamine + Riboflavin dihydrate sodium phosphate tương đương Riboflavin + Pyridoxine hydrochloride tương đương Pyridoxin + Cyanocobalamin + Folic acid + Dexpanthenol tương đương Pantothenic acid + D-Biotin + Nicotinamide	3500IU + 220IU + 11,2IU + 125mg + 3,51mg + 4,14mg + 4,53mg + 0,006mg + 0,414mg + 17,25mg + 0,069mg + 46mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Nhóm 1	Cơ sở sản xuất: FAREVA PAU Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Baxter S.A.	Pháp	Lọ	1.440
71	Kadcyla	Trastuzumab emtansine	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Nhóm 1	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Thụy Sĩ	Lọ	54
72	Kadcyla	Trastuzumab emtansine	160mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Nhóm 1	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Thụy Sĩ	Lọ	18
73	Imjudo	Tremelimumab	300mg/15ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Nhóm 1	Cơ sở sản xuất: Vetter Pharma- Fertigung GmbH & Co. KG; Cơ sở đóng gói cấp 2: AstraZeneca AB; Cơ sở kiểm tra chất lượng và xuất xưởng lô: AstraZeneca AB	Cơ sở sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói cấp 2: Thụy Điển; Cơ sở kiểm tra chất lượng và xuất xưởng lô: Thụy Điển	Lọ	10
74	Zynadex 40	Aescin (dưới dạng natri aescinat) 40mg	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Công ty TNHH LD Stellapharm - CN 1	Việt Nam	Viên	5.000
75	Fuxicure-400	Celecoxib	400mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Gracure Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Viên	34.490

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
76	Padolcure	Paracetamol + tramadol hydroclorid	325mg + 37,5mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	Viên	6.758
77	Xonatrix	Fexofenadin HCl	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	10.080
78	Neuronstad	Gabapentin	300mg	uống	viên nang cứng	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	15.447
79	Sefpotec	Cefpodoxim	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Nobel Ilac Sanayii ve Ticaret A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	Viên	3.000
80	Cefamax 400 Capsule	Ceftibuten	400mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Incepta Pharmaceuticals Limited - Zirabo Plant	Bangladesh	Viên	1.000
81	Zanimex 500	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Viên	18.000
82	SaViCipro	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	31.788
83	SaVi Tenofovir 300	Tenofovir (TDF)	300mg	Uống	Viên nén dài bao phim	Nhóm 2	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	20.394
84	Hyfinon	Hydroxyurea (Hydroxycarbamid)	500mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Korea United Pharm. Inc	Korea	Viên	10.080
85	Ufur capsule	Tegafur - Uracil	100mg + 224mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	TTY Biopharm Company Limited Chungli factory	Đài Loan	Viên	1.313
86	Hemopoly Solution	Sắt (dưới dạng Sắt(III) hydroxyd polymaltose)	50mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 2	Cho-A Pharm Co.,Ltd	Hàn Quốc	Ống	26.862
87	Ferion	Elemental Iron (dưới dạng Iron Protein Succinylate)	800mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 2	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	Chai	18.048
88	Fasthan 20	Pravastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi	Việt Nam	Viên	12.555
89	Savispirono-Plus	Furosemid + Spironolacton	20mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	3.591
90	Bisnol	Bismuth	120mg	Uống	Viên	Nhóm 2	Davipharm	Việt Nam	Viên	5.000
91	SaVi Esomeprazole 40	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Nhóm 2	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	19.401
92	Slandom 8	Ondansetron	8mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	14.112
93	Calcicar 500 Tablet	Calci carbonat	1250mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Incepta Pharmaceuticals Limited	Bangladesh	Viên	5.000
94	CALCIUM STELLA 500 MG	Calci lactat gluconat + Calci carbonat	2.940mg + 300mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	25.668
95	Boncium	Calci carbonat + vitamin D3	500mg + 250IU	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Gracure Pharmaceuticals Ltd.India	Ấn độ	Viên	48.132
96	Totcal Soft capsule	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 0,1mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 2	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Korea	Viên	172.152
97	Orkan SoftCapsule	Calcitriol	0,25mcg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 2	Young Poong Pharma. Co.,Ltd	Hàn Quốc	Viên	25.200
98	SaVi 3B	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	Viên	6.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
99	YUMANGEL F	Almagat	1,5g	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 2	Yuhan Corporation	Korea	Gói	54.576
100	HIGHTAMINE	Hỗn hợp các acid amin và vitamin (L-Leucine, L-Isoleucine, Lysine HCl, L-Phenylalanine, L-Threonine, L-Valine, L-Tryptophan, DL-Methionine, Retinol palmitate, Thiamine nitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Pyridoxine HCl, Calcium pantothenate, Cyanocobalamin, Folic acid, Ascorbic acid, Ergocalciferol, Tocopherol acetate 50%)	9,15mg + 5,0mg + 25mg + 5,0mg + 5,0mg + 5,0mg + 9,2mg + 1000 IU + 2,5mg + 1,5mg + 10mg + 5mg + 2,5mg + 0,5mcg + 100mcg + 25mg + 100 IU + 10mg	Uống	Viên nang	Nhóm 2	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd.	Korea	Viên	14.562
101	Silyhepatis	L-Arginine Hydrochloride	1000mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 2	Cho-A Pharm Co.,Ltd	Hàn Quốc	Ống	14.382
102	Heparos	L-cystin + Cholin hydrotartrat	250mg + 250mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 2	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Korea	Viên	46.170
103	Catefat	Levocarnitin	1g	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 2	Cho-A Pharm Co.,Ltd.	Hàn Quốc	Ống	2.664
104	Zurma	Mosaprid citrat	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	5.000
105	Semirad	Nicergoline	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Adamed Pharma S.A	Ba Lan	Viên	6.333
106	Maecran	Tocopherol acetate + Acid Ascorbic + Beta Caroten 30 % hỗn dịch + Kẽm oxide + Đồng oxide + Bột 0,1% Selenium + Manganese sulfate	200mg+250mg+ 10mg+ 9,337mg + 1,252mg+15mg+ 4,613mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 2	GENUPharma Inc.	Korea	Viên	21.924
107	Mecefex-B.E 250 mg	Cefixime (dưới dạng cefixime trihydrate)	250mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Viên	12.762
108	Kaflovo	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 3	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	8.334
109	Tafnext	Tenofovir alafenamide 25mg (dưới dạng tenofovir alafenamide hemifumarate 28,043mg)	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 3	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	1.800
110	CREXOR 10	Rosuvastatin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 3	Công ty TNHH BRV Healthcare - Việt Nam	VIỆT NAM	Viên	7.062
111	Revole	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 3	RV LIFESCIENCES LIMITED (tên cũ: Atra Pharmaceuticals Limited)	Ấn Độ	Viên	38.704
112	Carbocisteine 375mg Capsules	Carbocisteine (micronized)	375mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 3	Flamingo Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Viên	5.000
113	Ceprico	Cao đặc rễ đinh lăng; Cao khô lá bạch quả	300mg; 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 3	Công ty CPTM Dược VTYT Khải Hà	Việt Nam	Viên	25.000
114	Efferoxen	Naproxen	250 mg	Uống	Viên sủi	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược Enlie	Việt Nam	Viên	10.000
115	Kotelo 200mg/5ml	Paracetamol	200mg/5ml; 5ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Medcen	Việt Nam	Ống/ gói	6.000
116	Katrypsin Fort ODT	Alphachymotrypsin	8.400IU	Uống	Viên nén phân tán	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	viên	34.225

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
117	Alphadaze-4200	Chymotrypsin	4200IU	Uống	Thuốc bột	Nhóm 4	Công ty TNHH dược phẩm USA-NIC (USA - NIC Pharma)	Việt Nam	Gói	24.225
118	Vigentin 500/125 DT.	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) + acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat + cellulose vi tinh thể tỉ lệ 1:1)	500mg + 125mg	Uống	Viên nén phân tán	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	2.903
119	Iba-Mentin 1000mg/62,5mg	Amoxicilin + acid clavulanic	1000 mg+ 62,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	15.647
120	Trimoxstal 500/500	Amoxicilin + sulbactam	500mg+ 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Viên	17.055
121	Setpana	Cefdinir	300mg	Uống	Viên nén phân tán	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	840
122	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	54.912
123	Tinidazole	Tinidazole	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	27.456
124	Levoleo 750	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 768,7 mg)	750mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Viên	2.398
125	Tetracyclin 500mg	Tetracyclin hydroclorid	500mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Viên	10.000
126	Solphaxol	Entecavir	0,05mg/1ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Ống	6.798
127	Zolmed 150	Fluconazol	150mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.306
128	Meyeropoly	Sắt (dưới dạng sắt (III) hydroxyd polymaltose complex)	10mg/5ml	Uống	Ống Uống 15 ml	Nhóm 4	Công ty Liên doanh Meyer-BPC-Việt Nam	VIỆT NAM	Ống	8.168
129	Polyhema	Sắt nguyên tố (dưới dạng sắt (III) hydroxyd polymaltose)	50mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược VITYT Hà Nam	Việt Nam	Ống	8.228
130	Fogyma	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose)	50mg/10ml; 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 4	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	8.168
131	Cammic	Acid tranexamic	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	5.040
132	Ficocyte	Filgrastim	30 MU/ 0,5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Nhóm 4	Công ty cổ phần công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Bơm tiêm	300
133	Propranolol	Propranolon hydroclorid	40mg	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	12.722
134	Phostaligel Nic	Nhôm phosphat gel 20%	10g	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Việt Nam	Viên	1.000
135	Amebismo	Bismuth subsalicylat	525mg/15ml	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Công ty CPDP OPV/ Việt Nam	Việt Nam	Gói	2.000
136	Abzodims	Bismuth tripotassium dicitrate (tương đương Bismuth trioxid 120mg)	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Viên	5.000
137	Hantacid	Gel nhôm hydroxyd khô + Magnesi hydroxyd + Simethicon	(220 mg + 195 mg + 25 mg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 4	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Gói	12.825
138	Alumag-s	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	2,668g + 4,596g + 0,266g	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Gói	25.650

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
139	Somastop	Sucralfat	1g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	1.000
140	A.T Sucralfate	Sucralfat	1000mg/5g	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	500
141	Ondatil 4mg/5ml	Ondansetron	4mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	7.988
142	Simenic	Alverin citrat 40mg, Simethicon 100mg	40mg; 100mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	Viên	5.000
143	Companity	Lactulose	670mg/ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	8.820
144	Golistin-enema	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	(21,41g +7,89g)/ 133ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	216
145	Biosubtyl-II	Bacillus subtilis	10 mũ 7 - 10 mũ 8 CFU	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Viên	3.000
146	Baci-Subti	Bacillus subtilis	≥ 100.000.000 CFU	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty CP Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Viên	5.000
147	Atisyrup zinc	Mỗi 10 ml chứa Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfat heptahydrat)	20mg	Uống	Siro	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	2.000
148	Conipa pure	Kẽm gluconat	70mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 4	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	7.541
149	A.T Zinc siro	Kẽm gluconat	70mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	4.239
150	Ganita 200	Silymarin	200mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Việt Nam	Viên	20.000
151	ANBALIV	Silymarin	400mg	Uống	Viên	Nhóm 4	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH)	Việt Nam	Viên	63.464
152	A.T SILYMARIN 117 mg	Silymarin (Chiết xuất cardus marianus)	117mg	Uống	Viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	50.000
153	Dexamethasone	Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat)	4mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	7.560
154	Ocepred	Methyl prednisolon	8mg	Uống	Viên nén phân tán	Nhóm 4	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	23.224
155	Prednisolon	Prednisolon	5mg	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	34.239
156	Propylthiouracil DWP 100mg	Propylthiouracil (PTU)	100mg	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Viên	30.492
157	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/10ml	Nhỏ mắt, mũi	Dung dịch thuốc nhỏ mắt, mũi	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Lọ	378
158	Rotundin 60	Rotundine	60mg	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	6.754
159	ORIGINKO	Mỗi ống 10ml chứa: Cao khô lá bạch quả (tương đương với 4,4g lá bạch quả) 80mg	80mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1 -Việt Nam	Việt Nam	Ống	3.684
160	Pidoncam 1200	Piracetam	1200mg/5ml	Uống	Siro	Nhóm 4	Công ty CP Dược VITYT Hà Nam	Việt Nam	Ống	2.778
161	NLP-Cetam 1200	Piracetam	1200mg	Uống	Thuốc bột pha dung dịch	Nhóm 4	Công ty TNHH MTV 120 Arnephaco	Việt Nam	Gói	10.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
162	Terpin - Codein HD	Codein phosphat (dưới dạng Codein phosphat hemihydrat); Terpin hydrat	10mg; 100mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	31.338
163	Dismolan	N-Acetylcystein	200mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 4	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	5.130
164	Acetuss	N-Acetylcystein	200mg/10ml	Uống	Dung dịch	Nhóm 4	Công ty CP dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Ống	5.130
165	Lycalci	Lysin + Vitamin + Khoáng chất	Mỗi 7,5ml chứa: Lysine hydrochloride 150mg; Alpha tocopheryl acetate 7,5mg; Colecalciferol (dưới dạng Colecalciferol 1000IU/mg) 200,025IU; Dexpanthenol 5,025mg; ; Nicotinamide 9,975mg; Pyridoxine hydrochloride 3mg; Riboflavin sodium phosphate 1,725mg; Thiamine hydrochloride 1,5mg; Calcium (dưới dạng Calcium lactate pentahydrate) 65,025mg	Uống	Sirô	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Ống	2.000
166	Relahema	Mỗi 10ml chứa: Đồng gluconat 4,96mg + Mangan gluconat 10,77mg + Sắt gluconat 398,3mg; 7,5ml	4,96mg + 10,77mg + 398,3mg; 7,5ml	Uống	Ống Uống 7,5 ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt nam	Ống	10.000
167	Setblood	Vitamin B1 + B6 + B12	115mg + 100mg + 50mcg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	8.832
168	PIVINEURON	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	Viên nang cứng (cam-nâu)	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược Phúc Vinh	Việt Nam	Viên	2.520
169	MEDI NEURO	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Viên	1.000
170	Debomin	Vitamin B6 + magnesi lactat	10mg + 940mg	Uống	Viên nén sủi	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Viên	28.649
171	Vitamin B12	Vitamin B12	1000mcg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	864
172	Kingdomin vita C	Vitamin C	1000mg	Uống	Viên nén sủi	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	6.218
173	Bominity	Vitamin C (dưới dạng ascorbat natri)	100mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 4	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	12.000
174	Cezinco	Acid ascorbic + kẽm nguyên tố	(100mg + 10mg)/5ml	Uống	Dung dịch	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Ống	7.000
175	BOGANAZ	Acid glycyrrhizic (dưới dạng amoni glycyrrhizat); DL-Methionine; Glycin	25mg; 25mg; 25mg	Uống	Viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Việt Nam	Viên	1.000
176	Ometadol	Alfacalcidol	0,25 mcg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên	10.000
177	Nadygenor	Arginin aspartat	1g	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	Ống	60.444
178	Tenzumax	Arginin hydroclorid	500mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà/ Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.000
179	Ptrovit	Calci gluconat (dưới dạng calci gluconat monohydrat) + Calci lactat pentahydrat	(500mg + 350mg)/ 10ml , 10ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty DP và Thương mại Phương Đông- (TNHH)	Việt Nam	Ống	1.000
180	OSTOCARE	Calci gluconat; Vitamin D3	500mg;250IU	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty CP DP Nam Hà	Việt Nam	Viên	3.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
181	Duchat	Calci lactat pentahydrat + Thiamine hydrochloride + Riboflavine sodium phosphate + Pyridoxine hydrochloride + Cholecalciferol + Alphatocopheryl acetate + Nicotinamide + Dexpantenol + Lysin hydrochloride	(66,66mg + 0,2mg + 0,23mg + 0,40 mg + 1mcg + 1,00mg + 1,33mg + 0,67mg + 20mg)/1ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ông	2.694
182	Philiver	Cao Carduus marianus Thiamin nitrat Pyridoxin HCL Riboflavin Nicotinamid Calci pantothenat	200mg 8mg 8mg 8mg 24mg 16mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên	55.000
183	Liverplant	Cao Carduus Marianus (tương đương 100mg silymarin trong đó có 50mg silybin) 200mg; Vitamin B1 8mg; Vitamin B2 8mg; Vitamin B5 16mg; Vitamin B6 8mg; Vitamin PP 24mg	200mg, 8mg, 8mg, 16mg, 8mg, 24mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	28.706
184	Silyvercell	Cao khô quả cardus marianus (Extractum Fructus Cardui mariae siccum) (tương đương 100mg Silymarin)	200mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên	35.000
185	CTTzil 250	Cefprozil	250mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	Viên	12.948
186	Mesogold 500	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2- Việt Nam	Việt Nam	Viên	5.722
187	Medoral	Chlorhexidine digluconate (dưới dạng dung dịch 20%)	0,2% (w/v) - Chai 250 ml	Súc miệng	Dung dịch dùng ngoài (nước súc miệng)	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Chai	684
188	PROLANDEX30	Dexlansoprazole	30mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Viên	2.000
189	PROLANDEX60	Dexlansoprazole	60mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Viên	1.000
190	Arpyxin	L-Arginin hydroclorid + Thiamin hydroclorid + Pyridoxin hydroclorid	250mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	10.000
191	Ganlotus	L-Arginin L-aspartat	2g	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ông	25.092
192	Medogets 3g	L-Arginin L-glutamat	3g	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Ông	21.558
193	BRANCHAMINE	L-leucin+ L-isoleucin+ L-Lysia HCl+ L-Phenylalanin + L-threonin + L-valin + L-tryptophan + L-histidin hydroclorid monihydrat + L-methionin	320,3mg+ 203,9mg+291mg+ 320,3mg+ 145,7mg+ 233mg+ 72,9mg+ 216,2mg+ 320,3mg	Uống	Thuốc cốm	Nhóm 4	Công ty Cp Dược Enlie	Việt Nam	Gói	5.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
194	Nutrohadi F	Lysin HCL, Calci (dưới dạng calci glycerophosphat), Phospho (dưới dạng calci glycerophosphat và acid glycerophosphoric), Thiamin HCL+ Pyridoxin HCL+ Riboflavin natri phosphat + Nicotinamid+ Tocopherol acetat	200mg+ 86,7mg+ 133,3mg+ 2mg+ 4mg+ 2,3mg+ 13,3mg+ 10mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Ông	20.070
195	Pyridol	Magnesium lactat dihydrat + Magnesium pidolat + Pyridoxin hydroclorid	(186mg + 936mg + 10mg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 4	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ông	10.000
196	Opecalcium	Mỗi 10ml chứa: Calci glucoheptonat 550mg; Acid ascorbic 50mg; Nicotinamid 25mg	550mg; 50mg; 25mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Việt Nam	Ông	10.695
197	Calciumboston Ascorbic	Mỗi 1ml chứa: Calci glucoheptonat (dưới dạng Calci glucoheptonat dihydrat) 110mg; Vitamin C 10mg; Vitamin PP 5mg	1100mg, 100mg, 50mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Ông	34.664
198	OBIKTON	Mỗi 7,5 ml chứa: Calci (dưới dạng calci lactat pentahydrat); Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin D3; Vitamin E; Vitamin PP; Vitamin B5; Lysin HCl	65 mg, 1,5 mg, 1,75 mg, 3,0 mg, 200 IU, 7,5 IU, 10 mg, 5 mg, 150 mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ông	1.000
199	Abamotic	Mosaprid citrat	5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Nhóm 4	Công ty Dược phẩm và Thương mại Phương Đông (TNHH)	Việt Nam	Gói	5.000
200	Enzicoba	Nấm men khô chứa selen + Nấm men khô chứa crom + Acid ascorbic	25mg (tương ứng 50mcg selen) + 25mg (tương ứng với 50 mcg crom) + 50mg	Uống	Viên nang	Nhóm 4	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Viên	21.315
201	GAVORET	Natri alginat + Natri bicarbonat + Calci carbonat	(500mg + 213mg + 325mg); 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao ABIPHA	Việt Nam	Gói	3.000
202	PANCRENIC	Pancreatin + Simethicon	170mg; 50mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Nhóm 4	Công ty dược phẩm USA – NIC Pharma	Việt Nam	Viên	2.000
203	Femirat	Sắt fumarat + Acid folic+ Cyanocobalamin+ Lysin hydroclorid	30,5mg +0,2mg ; 0,1% 1mg +200mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên	9.153
204	Elvud 50	Teprenone	50mg	Uống	viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Viên	1.000
205	Teaves	Thiamin mononitrat; Nicotinamid; Pyridoxin hydroclorid; Riboflavin	4,85mg; 20mg; 2mg; 2mg	Uống	Thuốc cốm uống	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	Gói	2.000
206	Batimed (Tên cũ: Auvit-B35)	Thiamine hydrochloride; Pyridoxin hydroclorid	250mg, 35mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Viên	42.228
207	Antikans	Thymomodulin	80mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty TNHH MTV 120 Amephaco	Việt Nam	Viên	38.763
208	Althax	Thymomodulin	120mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex.	Việt Nam	Viên	38.763

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
209	Banitase	Trimebutin maleat + Dehydrocholic acid + Pancreatin + Bromelain + Simethicon	100mg + 25mg + 150mg + 50mg + 300mg	Uống	Viên nang	Nhóm 4	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên	6.529
210	Attom	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin B3 + Vitamin B12 + Lysin hydrochlorid + Calci + Sắt + Magnesi	1000IU + 270IU + 2mg + 2mg + 2mg + 8mg + 3mcg + 30mg + 20mg + 1,5 mg + 1mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	108.504
211	Canease	Mỗi viên nang cứng chứa: Bột chiết xuất hỗn hợp được liệu (tương đương được liệu khô bao gồm: Hoàng kỳ 250mg; Nữ trình tử 200mg; Nhân sâm 65mg; Nga truat 132mg; Linh chi 65mg; Giảo cổ lam 256mg; Bạch truat 64mg; Bán chi liên 128mg; Bạch hoa xà thiệt thảo 128mg; Phục linh 65mg; Thổ miết trùng 20mg; Kế nội kim 30mg; Xà môi 128mg; Bạch anh 128mg; Nhân trần 128mg; Tử trường khanh 128mg).	250mg + 200mg + 65mg + 132mg + 65mg + 256mg + 64mg + 128mg + 128mg + 65mg + 20mg + 30mg + 128mg + 128mg + 128mg + 128mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Shijiazhuang Yiling Pharmaceutical Co., Ltd	Trung Quốc	Viên	10.000
212	Vinblastine Injection BP (10mg/10ml)	Vinblastin	10mg	Tiêm truyền	Bột pha tiêm	Nhóm 5	Adley Formulations Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Lọ	120
213	ONCOTERON	Abiraterone acetate 250mg	250mg	Uống	Viên nén	Nhóm 5	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	3.600
214	Saferon	Sắt (dưới dạng sắt (III) hydroxyd polymaltose) + acid folic	100mg+ 500mcg	Uống	Viên nén nhai	Nhóm 5	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Viên	9.153
215	RABETO - 40	Rabeprazol	40mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Nhóm 5	Flamingo Pharmaceuticals Limited	Ấn Độ	Viên	58.679
216	Hepadays	Silymarin	140mg	Uống	viên nang	Nhóm 5	Uni Pharma	Ai Cập	Viên	11.475
217	Levothyrox	Levothyroxine natri	50mcg	Uống	Viên nén	Nhóm 5	Merck Healthcare KGaA	Đức	Viên	326.119
218	Levothyrox	Levothyroxine natri	75mcg	Uống	Viên nén	Nhóm 5	Merck Healthcare KGaA	Đức	Viên	31.154
219	Hoanidol Soft Cap	Alfacalcidol	0,5mcg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 5	Young Poong Pharma. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Viên	10.000
220	Zedcal OP Tablets	Calci (dưới dạng Calci carbonat) 250mg; Calcitriol 0,25mcg; Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfat monohydrat) 7,5mg	250mg + 0,25mcg + 7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 5	Meyer Organics Pvt., Ltd.	Ấn Độ	Viên	72.000
221	Caldiol soft capsule	Calcifediol	20mcg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 5	RP Corp., Inc	Korea	Viên	1.000
222	Eskafolvit Capsule	Dried ferrous sulfate; Folic acid; Ascorbic acid; Thiamin mononitrat; Riboflavin; Pyridoxin HCl; Nicotinamide	150mg; 0,5mg; 50mg; 2mg; 2mg; 1mg; 10mg	Uống	Viên nang bao tan trong ruột	Nhóm 5	Eskayef Bangladesh Ltd. - Bangladesh	Bangladesh	Viên	2.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
223	XOSPATA 40MG TABLETS 4X21'S	Gilteritinib fumarate 44,2mg (tương đương với Gilteritinib 40mg)	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 5	CSSX bán thành phẩm: Astellas Pharma Inc. Yaizu Technology Center – Japan. CS đóng gói và xuất xưởng lò: Delpharm Meppel B.V (Địa chỉ: Hogemaat 2, 7942 JG Meppel, The Netherlands))	Japan	Viên	500
224	Zegecid 20	Omeprazol, Natri bicarbonat	20mg; 1100mg	Uống	Viên nang	Nhóm 5	Ajanta Pharma Limited	India	Viên	1.000
225	Enpogas 40mg/1.1g	Omeprazol; Natri bicarbonat	40mg, 1100mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 5	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	3.000
226	Esserose 450	Phospholipid đậu nành	450mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 5	Minskintercaps U.V	Belarus	Viên	34.380
227	Vihacaps 600	Phospholipid đậu nành	600mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 5	Minskintercaps U.V	Belarus	Viên	500
228	Kryxana	Ribociclib (dưới dạng Ribociclib succinate)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 5	NSX: Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte. Ltd.; CSĐG và xuất xưởng: Novartis Pharma Produktions GmbH	NSX: Singapore; CSĐG và xuất xưởng: Đức	Viên	16.800

TỔNG CỘNG: 255 KHOẢN

ĐÃ
N.

PHỤ LỤC 2.2
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ MUA SẴM CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỞU ĐÀ NẴNG NĂM 2026
(Kèm theo Yêu cầu chào giá số 846/BVUBĐN-KD ngày 25/11/2025)

STT	Tên thương mại	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Ký, mã hiệu hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Băng thun 10cm x 4,5m	Băng thun 10cm x 4,5m	Thành phần: sợi polyester, cotton và latex, co giãn, hoặc chất liệu tương đương có thể co giãn Kích thước: 10cm x 4,5m	BT.04	Anji Yangdong	Trung Quốc	Cuộn	1.200
2	Băng keo giấy y tế Micropore 2,5cm x 9,1m	Băng keo giấy y tế Micropore 2,5cm x 9,1m	- Chất liệu: Bột giấy polyester, keo Acrylic (không chứa mù cao su). Không soát keo khi tháo băng - Nền giấy: 60-70%, nền keo Acrylic 25-35% - Băng keo y tế giấy phủ keo acrylic, ít gây dị ứng da và không sót keo khi tháo băng ra. Băng keo thoáng khí, mềm mại cho da - Định tốt hơn trên da ẩm - Thiết kế lõi giấy thân thiện với môi trường - Kích thước: 2,5cm x 9,1m - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	1530-1	3M Medical Devices and Materials Manufacturing (Shanghai) Company Limited	Trung Quốc	Cuộn	4.194
3	Bơm cho ăn MPV 50ml	Bơm cho ăn MPV 50ml	- Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Nước sản xuất: Việt Nam.	BCA	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Cái	1.062
4	Bơm tiêm ECO 1ml	Bơm tiêm ECO 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485,	BTK1: ECO	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Cái	11.502
5	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 5ml	Bơm tiêm MPV 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Cỏ thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gậy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485. Có CFS Châu Âu - Sản xuất tại Việt Nam	BTK5: MPV	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Cái	4.950
6	Khẩu trang y tế 3 lớp, đeo tai, Blue, STD, VT (1 cái/gói)	Khẩu trang y tế đeo tai vô trùng	- Cấu tạo có 3 lớp, Chất liệu: vải không dệt không hút nước. Lớp vi lọc thấu khí không thấm nước, dây đeo có tính đàn hồi và thanh nẹp mũi bằng nhựa hoặc kim loại. - Đóng gói: Vô khuẩn từng cái. Đã tiệt trùng bằng EO Gas. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, CE, FDA, cGMP.	KTY3DSBEE1A1A	Danameco	Việt Nam	Cái	5.814



STT	Tên thương mại	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Ký, mã hiệu hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
7	Bông hút nước đã tiệt trùng 2*2 50g/ gói	Bông hút nước đã tiệt trùng 2*2	Bông hút nước: bông xơ thiên nhiên (100% cotton) Bông trắng tự nhiên, không có sợi ngoại lai, không mùi, không vị, mịn màng, mềm mại, dai. - Bông được cắt thành từng miếng đều nhau về kích thước và trọng lượng - Khả năng giữ nước $\geq 20g$ nước/gam bông. - Chất tan trong ether: $< 0,1\%$ - Chất tan trong nước: $\leq 0,02\%$ - Tốc độ hút nước: $\leq 5s$ - Độ acid bazơ: trung tính - Tinh bột và dextrin: không phát hiện - Hàm lượng tro sunfat: $\leq 0,04\%$ - Hàm lượng clorit: $< 0,005\%$ - Dịch chiết không màu - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Kích thước: 2cm x 2cm. - Đóng gói : 50g/Tiệt trùng bằng khí E.O - Đóng gói trong túi PE hàn kín miệng	BYT-MC-18	Viet Nam	Viet Nam	Gói	792
8	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, đế bằng 70mm	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, đế bằng 70mm	Đế bằng có băng keo Hollister 70mm - Đế dán vào da có độ pH giống như da từ 4,0 - 5,5, giúp bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo và không gây dị ứng. - Với thành phần Hydrocolloid, có cấu trúc liên kết vật lý SIS (Styrene-Isoprene-Styrene), giúp đế dán đề kháng mạnh với các chất ăn mòn, tạo cấu trúc mềm dẻo, vững chắc và bền. Vì vậy đế dán sử dụng được cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. - Thời gian sử dụng trung bình từ 3 đến 5 ngày, tối đa 7 ngày. - Để có phần gắn kết với túi bằng cách lòn ngón tay vào trong và bấm lại, vì vậy không gây đau cho bệnh nhân. - Khi tháo đế ra không để lại chất keo dư thừa trên da bệnh nhân. Đế bằng cho người có hậu môn nhân tạo lỗi, sử dụng kèm túi phân - Kích cỡ: 70mm - Mã hàng: 14604 - Chất liệu: Được làm bằng chất kết dính đa Hydrocolloid và nhựa polymer/copolymer. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	14604	Hollister Incorporated	Mỹ	Cái	7.182
9	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, túi phân 70mm, lọc khí, khóa cuộn	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo, túi phân 70mm, lọc khí, khóa cuộn	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuộn, có bộ lọc khí - Sản phẩm được làm từ nhựa polymer/copolymer và vải không dệt. - Đường kính vòng gấn 70mm, chiều dài túi 30cm - Túi chứa loại trong, gồm 4 lớp: lớp trong giúp gắn kết các lớp, lớp ngăn mùi, lớp dính giúp các lớp dính vào nhau, lớp chống ồn - Đặc điểm: có khóa cuộn, có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí khoảng 300mm2, giúp thoát khí dễ dàng nhưng mùi hôi bị giữ lại, bộ lọc khí không thấm nước. Vòng gấn khớp với đế dán và không gây đau cho người bệnh - Dùng với đế dán túi cùng hãng, chất liệu Hydrocolloid - Kích cỡ: 70mm - Mã hàng: 18194 - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, FDA	18194	Hollister Incorporated	Mỹ	Cái	1.962
10	Vòng đệm bằng 98mm	Vòng đệm bằng 98mm	Mô tả: Vòng bảo vệ da chống loét - Là sự kết hợp hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi. - Nhờ vậy vòng dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm, giúp da mau lành. Kích cỡ: 98 mm Mã hàng: 7806 Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	7806	Hollister Incorporated	Mỹ	Cái	846
11	Băng phim trong 3M Tegaderm Frame Style 10cm x12 cm	Băng dính trong suốt, 10 x 12cm	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane 2-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic 3-30% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Có viền giấy bo tròn - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: Kháng vi khuẩn/virus với đường kính $>27nm$ (HIV-1, HBV), quan sát được vùng tiêm và vùng da, thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da, hạn chế kích ứng da	1626W	3M Deutschland GmbH	Đức	Miếng	648

STT	Tên thương mại	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Ký, mã hiệu hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
12	SUREFUSER+	Bộ tiêm truyền thể tích đàn hồi điều chỉnh giọt tự động	1. Bơm đàn hồi tự động truyền thuốc hóa trị hay thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục 48 giờ. Chất liệu bóng Isoprene rubber 2. Thể tích 100ml. Tốc độ truyền 2.1ml/h 3. Vỏ cứng giúp không ảnh hưởng tốc độ dòng chảy khi bệnh nhân đè cần. Chiều dài vỏ 181,2 mm, đường kính ngoài bầu 42,7 mm. Trọng lượng pump 49,5 g. Bảo vệ khỏi tia UV lên đến 400 nm 4. Có vạch chia thể tích để theo dõi lượng thuốc đã được truyền vào bệnh nhân 5. Dây truyền làm bằng nhựa PVC không chứa DEHP. Thể tích mỗi dây rất nhỏ, thời gian mỗi nhanh: 1 phút 4 giây. Chiều dài dây truyền 971,3 mm, ID của dây 0.9 mm, OD của dây 2.8 mm. 6. Bộ lọc khí và lọc hạt 0,2um chất liệu Polyethersulfone (PES). Van back-check ngăn chặn rò rỉ chất liệu Silicone rubber 7. Có màng kỵ nước hydrophobic 8. Sử dụng tương thích với máy bơm Nipro 9. Chứng nhận ISO 13485, CE 10. Tiệt trùng: EO, xuất xứ G7	A-SFP-1002D-ECE	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Cái	300
13	SUREFUSER+	Bộ tiêm truyền thể tích đàn hồi điều chỉnh giọt tự động	1. Bơm đàn hồi tự động truyền thuốc hóa trị hay thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục 5 ngày. Chất liệu bóng Isoprene rubber 2. Thể tích 250ml. Tốc độ truyền 2 ml/h 3. Vỏ bảo vệ chắc chắn. Chiều dài vỏ 161.5 mm, đường kính ngoài bầu 74.4 mm. Trọng lượng pump 100.6g. Bảo vệ khỏi tia UV lên đến 400 nm 4. Có vạch chia thể tích để theo dõi lượng thuốc đã được truyền vào bệnh nhân 5. Dây truyền làm bằng nhựa PVC không chứa DEHP. Thể tích mỗi dây rất nhỏ, thời gian mỗi nhanh: 1 phút 7 giây. Chiều dài dây truyền 971,3 mm, ID của dây 0.9 mm, OD của dây 2.8 mm. 6. Bộ lọc khí và lọc hạt 0,2um chất liệu Polyethersulfone (PES). Van back-check ngăn chặn rò rỉ chất liệu Silicone rubber 7. Có màng kỵ nước hydrophobic 8. Sử dụng tương thích với máy bơm Nipro. 9. Chứng nhận ISO 13485, CE 10. Tiệt trùng: EO, xuất xứ G7	A-SFP-2-25-ECE	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Cái	100
TỔNG CỘNG: 13 KHOẢN								



